

XIN NGỪNG THI HÀNH CÁC VĂN KIỆN KỶ LUẬT VỘI VÃ – TRÁNH SAI SÓT VÀ BẢO TOÀN UY TÍN GIÁO HỘI

Trong mọi thiết chế xã hội cũng như trong truyền thống sinh hoạt Phật giáo, kỷ luật chưa bao giờ chỉ là một thủ tục hành chính khô khan. Kỷ luật là tấm gương soi phản chiếu tính công bằng, sự minh bạch và cả phẩm hạnh đạo đức của tổ chức. Khi một cá nhân bị đưa ra xử trị, đó không những là chuyện riêng của một người, mà còn là phép thử đối với cả hệ thống: tổ chức có thật sự hành xử đúng pháp, đúng đạo và đúng tinh thần nhân bản hay không.

Bài phân tích này được triển khai trên hai nền tảng tri thức song hành. Một mặt, nó dựa trên những nguyên tắc phổ quát của khoa học pháp lý và xã hội học hiện đại: thủ tục công bằng (*due process*), giới hạn thẩm quyền (*ultra vires*), cơ chế kiểm tra và đối trọng (*checks and balances*). Đây là những chuẩn mực đã trở thành nền tảng cho mọi sinh hoạt tổ chức văn minh, bởi chúng bảo đảm rằng không một cá nhân nào bị xử trị mà không có cơ hội tự biện hộ, và cũng không một cơ quan nào có thể vừa điều tra, vừa luận tội, vừa nghị xử trong cùng một vòng khép kín.

Mặt khác, bài viết đồng thời nương tựa trên ánh sáng của Phật học: tinh thần *Giới – Định – Tuệ*, nguyên tắc *tùy pháp bất tùy nhân*, sự hòa hợp *lục hòa cộng trụ* của Tăng-già, cũng như giáo lý Từ bi và Bình đẳng. Đặc biệt, những khái niệm như “mặc tẩn”, “sám hối” – vốn xuất phát từ giới luật Tăng-già – cần được soi chiếu đúng bối cảnh, để tránh việc áp đặt sai lệch vào đời sống đoàn thể cư sĩ. Trong Phật giáo, kỷ luật không nhằm trừng phạt, mà để chuyển hóa, giúp con người quay về với chính mình trong ánh sáng của Pháp.

Chính từ sự kết hợp giữa hai nguồn tri thức – xã hội pháp lý và đạo lý Phật giáo – mà bài viết này sẽ đi sâu phân tích, phê bình bốn văn kiện liên quan đến việc kỷ luật Huynh trưởng Cấp Dũng Quảng Giải Huỳnh Kim Hóa. Mục đích không phải là tranh luận hơn thua mà là chỉ ra những khiếm khuyết thủ tục, thẩm quyền và tinh thần, để từ đó đưa ra một đề nghị thẳng thắn nhưng xây dựng: ngưng thi hành các văn kiện kỷ luật vội vã, tránh sai sót, và bảo toàn uy tín của Giáo Hội cũng như tổ chức GĐPTVN.

Bấy giờ, trong dòng lịch sử gần một thế kỷ của Gia Đình Phật Tử Việt Nam (GĐPTVN), kỷ luật đối với một nhân sự cao cấp, đặc biệt là hàng ngũ Huynh trưởng Cấp Dũng, chưa bao giờ là một quyết định giản đơn. Kỷ luật không chỉ liên quan đến một cá nhân mà còn để lại dấu ấn trong tâm thức tập thể, tác động đến niềm tin, uy tín và sự ổn định của cả tổ chức. Chính vì vậy, bất kỳ một văn kiện kỷ luật nào cũng cần được soi xét kỹ lưỡng về **thẩm quyền, thủ tục, căn cứ pháp lý, chứng cứ, và tinh thần Phật giáo**. Nếu thiếu một trong những yếu tố đó, quyết định đưa ra có thể trở thành nguồn cơn của phân hóa, tranh cãi và quan trọng hơn cả: **làm tổn thương uy tín của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN)** mà GĐPTVN luôn trực thuộc và hộ trì.

Trong vụ việc liên quan đến HTr Cấp Dũng Quảng Giải Huỳnh Kim Hóa, bốn văn kiện được ban hành và công bố trong tháng 8 và 9 năm 2025 – gồm Biên bản Hội Đồng Kỷ Luật (HĐKL) ngày 23.08, Biên bản Ban Thường Trực Hội Đồng Cấp Dũng (BTT/HĐCD) ngày 04.09, Trình Thư ngày 05.09, và Quyết định kỷ luật cùng ngày – đã bộc lộ nhiều **khiếm khuyết cơ bản**. Những khiếm khuyết này, nếu không được nhìn nhận và hiệu chỉnh, có nguy cơ biến một vụ việc cá nhân thành **một vết thương tập thể**, gây ảnh hưởng lâu dài đến tính chính danh của tổ chức.

I. Thẩm quyền vượt quá và trình tự đảo ngược

Trước hết, điều dễ nhận thấy là sự **trộn cấp và vượt quyền** trong các văn kiện. Biên bản và Quyết định nêu rằng BTT/HĐCD có quyền “giải nhiệm” Trưởng ban BHD Hải Ngoại, rồi “kính thỉnh cầu phê chuẩn” của Nhiếp Sự Vụ Thanh Niên (NSVTN/GHPGVNTN). Đây là một trình tự **ngược logic hành chính**. Một quyết định nhân sự hệ trọng chỉ có hiệu lực sau khi cơ chế thẩm quyền ban hành hoặc phê chuẩn; không thể có chuyện “ra quyết định trước – xin phê chuẩn sau”. Điều này tạo ra nguy cơ **ultra vires** (hành động vượt quyền), khiến hiệu lực pháp lý của quyết định bị đặt dấu hỏi.

Hơn nữa, trong cùng một vụ việc, các văn kiện đã **gộp nhiều chế tài khác hệ**: vừa kỷ luật cấp bậc (treo cấp), vừa chế tài hành chính (giải nhiệm), vừa áp đặt giáo hạnh (sám hối như pháp). Sự pha trộn này làm mất đi tính minh bạch: đâu là kỷ luật nội lệ, đâu là quyết định nhân sự, đâu là sự giáo giới Phật học. Một văn kiện mà ôm đồm quá nhiều loại chế tài khác nhau thì dễ bị phản bác về **tính hợp lệ và hợp lý**.

II. Vi phạm nguyên tắc thủ tục công bằng

Điểm thứ hai, đáng lo ngại hơn, là **quyền được nghe – được nói** của đương sự không được bảo đảm. Biên bản HĐKL ngày 23.08 ghi rõ rằng, vì HTr Huỳnh Kim Hóa nhiều lần vắng mặt, nên Hội đồng quyết định “không cần sự có mặt của đương sự”. Về nguyên tắc, cần phân biệt việc một Huynh trưởng vắng mặt trong các kỳ sinh hoạt định kỳ khác với phiên họp của Hội Đồng Kỷ Luật. Bất kỳ thủ tục kỷ luật nào, sự có mặt hay vắng mặt của đương sự không quan trọng bằng việc tổ chức đã **trao đủ cơ hội** để biện hộ. Nếu đã có giấy triệu tập hợp lệ, tổng đạt rõ ràng, thời hạn hợp lý và ghi nhận việc đương sự từ chối tham dự, thì hội đồng mới có thể tiến hành vắng mặt một cách chính đáng. Thế nhưng, trong toàn bộ hồ sơ, không thấy chứng cứ về các bước tổng đạt này, cũng không có văn bản xác nhận sự từ chối. Do vậy, quyết định tiến hành mà “không cần sự có mặt” của đương sự đã trở nên **khuyết thủ tục**.

Nghiêm trọng hơn, trước khi vụ việc được đưa ra kỷ luật, đương sự đã **đề đơn xin nghỉ**. Về thủ tục, cơ quan có thẩm quyền phải giải quyết dứt khoát đơn xin nghỉ trước: nếu chấp thuận, tư cách thành viên và chức vụ đã chấm dứt, việc kỷ luật trở thành không còn ý nghĩa hành chính, chỉ còn xét đến cấp bậc. Nếu chưa chấp thuận, giấy triệu tập phải ghi rõ lý do, rằng đương sự vẫn còn trách nhiệm tham dự. Đằng này, tổ chức vừa không quyết định đơn nghỉ, vừa triệu hồi để luận tội, khiến tư cách pháp lý của đương sự trở nên **mập mờ**. Chính sự mập mờ này mở ra khoảng trống để đương sự có thể phản bác rằng: “Tôi đã xin nghỉ, tại sao vẫn bị xử lý như người còn tại chức?” Đây là một sai sót **thủ tục nghiêm trọng**, dễ dẫn đến tranh chấp.

Đáng tiếc hơn, biên bản của BTT/HĐCD ngày 04.09 chỉ đơn thuần nghe báo cáo từ HĐKL rồi “biểu quyết 100% tán đồng”. Điều này biến cấp duyệt xét trở thành một **bản sao của hội đồng kỷ luật**, không có tính độc lập. Khi không có một cấp tái thẩm độc lập, thủ tục đã **không còn bảo đảm sự công bằng**.

III. Cơ sở buộc tội thiếu chứng cứ cụ thể

Trong cả bốn văn kiện, những cáo buộc nhắm vào HTr Quảng Giải Huỳnh Kim Hóa chỉ dừng lại ở mức khẳng định khái quát: “không đủ tư cách”, “không tuân nghị quyết”, “tự đặt GDPTVN tại Hải ngoại ra khỏi GHPGVNTN”. Đây là những nhận định nặng nề, ảnh hưởng trực tiếp đến thanh danh và vị thế của một Huynh trưởng Cấp Dũng, nhưng lại hoàn toàn thiếu những chứng cứ cụ thể làm nền tảng. Không hề có một trích dẫn nguyên văn phát biểu, một văn kiện đối chiếu, hay một điều khoản cụ thể trong Nội lệ – Quy chế được viện dẫn làm căn cứ. Thậm chí, ngay trong chính Biên bản HĐKL cũng có lời nhắc nhở rằng “những điều mơ hồ thì không nên đưa vào”. Việc một

hội đồng kỷ luật tự thừa nhận tính mơ hồ của hồ sơ đã đủ để chứng minh rằng toàn bộ cơ sở buộc tội còn thiếu vững chắc và thiếu minh bạch.

Trong bất kỳ tổ chức nghiêm cẩn nào, đặc biệt là một tổ chức lấy giáo lý Phật pháp làm nền tảng, kỷ luật không thể chỉ dựa trên **suy diễn về lập trường** hay **cảm tính của tập thể lãnh đạo**, mà phải dựa trên **chứng cứ xác thực**: văn bản gốc, biên bản họp, thư từ, email, hoặc phát biểu có ghi âm, có chữ ký, hoặc ít nhất cũng phải có sự đối chiếu rõ ràng với điều khoản cụ thể trong Nội lệ – Quy chế. Thiếu những chứng cứ này, các cáo buộc trở thành gán ghép, dễ gây ra sự phản kháng từ người bị buộc tội, đồng thời gieo mầm hoài nghi trong lòng tập thể về tính khách quan và sự ngay chính của tiến trình kỷ luật.

Phải thấy rằng, những cụm từ như “không đủ tư cách”, “không tuân nghị quyết” là những nhận định mang tính định giá chủ quan. Nếu không có minh chứng cụ thể để chứng minh đương sự đã vi phạm điều nào, khoản nào, thì đó không khác gì một sự kết án cảm tính. Trong khoa học pháp lý, một bản án thiếu căn cứ cụ thể sẽ bị coi là **vô hiệu**, vì nó đi ngược nguyên tắc **tùy pháp bất tùy nhân**: xử lý phải dựa vào pháp, không phải dựa vào ý chí hay định kiến của con người.

Hơn thế nữa, việc cáo buộc rằng đương sự “tự đặt GDPTVN tại Hải ngoại ra khỏi GHPGVNTN” là một nhận định cực đoan, mang tính pháp lý nghiêm trọng. Một kết luận như vậy chỉ có giá trị khi dựa trên bằng chứng pháp định rõ ràng: tuyên cáo ly khai, văn bản chính thức của tập thể, hoặc quyết định xác nhận của Giáo hội. Trong trường hợp này, không có một văn kiện nào như vậy được đưa ra, chỉ dựa trên suy diễn từ một số phát biểu hay cách hiểu về cơ cấu. Đó là một sự **gán ghép quá mức**, vừa thiếu công bằng, vừa dễ làm mất uy tín của chính cơ quan ban hành văn kiện.

Từ góc độ Phật học, việc quy kết mà không có chứng cứ rõ ràng cũng trái với tinh thần **chánh kiến** và **chánh ngữ** trong Bát chánh đạo. Đức Phật từng dạy, lời nói phải dựa trên sự thật, phải có lợi ích, phải đúng lúc. Nếu những cáo buộc chỉ là suy diễn, thiếu bằng chứng, thì chẳng những không giúp ích cho sự chuyển hóa, mà còn tạo thêm chia rẽ, làm tổn thương lòng tin. Tinh thần **từ bi và bình đẳng** đòi hỏi mọi thành viên, dù ở địa vị nào, cũng phải được xử lý dựa trên chứng cứ khách quan, chứ không dựa trên thành kiến hay định kiến.

Do vậy, có thể nói rằng, phần cơ sở buộc tội trong các văn kiện đã mắc phải một sai lầm căn bản: **biến nhận định thành chứng cứ, biến suy diễn thành kết luận**. Đây là điều hết sức nguy hiểm, bởi nếu chấp nhận tiền lệ này, bất cứ Huynh trưởng nào cũng có thể bị kỷ luật chỉ dựa trên ý chí hoặc cảm nhận của một số người trong hội đồng, mà không cần bằng chứng cụ thể. Điều đó không chỉ làm lung lay niềm tin của tập thể, mà còn làm suy yếu nền tảng pháp lý và đạo lý của cả tổ chức.

IV. Lẫn lộn nghi thức Phật học và chế tài hành chính

Một trong những điểm nghiêm trọng nhất trong bốn văn kiện là sự **lẫn lộn giữa nghi thức tu học trong Phật pháp và biện pháp hành chính của một tổ chức cư sĩ**. Văn kiện đã đề cập đến việc “sám hối thanh tịnh như pháp trong 6 tháng” như một điều kiện phục hồi cấp bậc. Điều này đặt ra một vấn đề căn bản: **sám hối** là pháp môn tu tập thuộc phạm vi tâm linh, xuất phát từ sự tự nguyện của người học Phật, được Tăng đoàn hướng dẫn và chứng minh, chứ không bao giờ là một “hình phạt cưỡng chế” hành chính.

Trong giới luật, sám hối (tiếng Phạn: *kṣamā*; Hán dịch: 懺悔) là phương tiện để chuyển hóa tâm, để trở về với sự thanh tịnh vốn có, giúp hành giả gột rửa những lỗi lầm đã phạm trong đời sống tu học. Sám hối không phải là sự trừng phạt mà là một cơ hội tu tập. Khi một tổ chức biến sám hối thành “điều kiện bắt buộc” để phục hồi chức vị hay cấp bậc, thì bản chất giáo pháp đã bị **biến dạng**: từ một

hành động phát khởi từ tâm nguyện chân thành, nó trở thành một **hình phạt hành chính** mang tính ép buộc. Một hành động vốn nhằm nuôi dưỡng tâm linh đã bị hạ thấp thành công cụ chế tài, vừa sai với tinh thần Phật học, vừa làm méo mó ý nghĩa của sự tu tập.

Nghiêm trọng hơn, trong quá trình thảo luận, đã có người đề nghị áp dụng biện pháp “**mặc tẩn**”. Nhưng cần nhắc lại rõ: mặc tẩn (梵音 *pravāraṇā*) là một hình thức chế tài đặc thù trong giới luật Tăng-già, dành cho **tăng sĩ trong cộng đồng tu học**. Nó đòi hỏi những điều kiện nghiêm ngặt: phải có đủ số lượng Tăng (tối thiểu 20 vị), phải tiến hành trong một kỳ bố-tát, và chỉ áp dụng cho người xuất gia khi phạm những lỗi nghiêm trọng làm tổn thương sự hòa hợp của Tăng đoàn. Vì thế, mặc tẩn hoàn toàn **không thể áp dụng cho hàng cư sĩ**, càng không thể đem ra dùng trong sinh hoạt của một tổ chức đoàn thể như GDPTVN.

Việc đưa khái niệm “mặc tẩn” vào biên bản kỷ luật một Huynh trưởng cư sĩ cho thấy một sự **nhầm lẫn hệ trọng** cả về giáo lý lẫn thủ tục. Nhầm lẫn này không chỉ sai với pháp chế tổ chức (vì Nội lệ – Quy chế không hề có điều khoản nào cho phép dùng biện pháp này), mà còn sai với tinh thần Phật học (vì đem một chế tài của Tăng đoàn áp cho cư sĩ). Đây là sự **pha trộn bất hợp lý** giữa “giáo hạnh” và “hành chính”, khiến cho biện pháp đưa ra vừa **vô hiệu về mặt pháp lý**, vừa **phí lý về mặt đạo lý**.

Từ góc độ xã hội, hành vi này tạo nên sự **tùy tiện trong chế tài**, làm cho mọi người nhìn thấy rằng tổ chức có thể “chế thêm luật” hoặc “mượn danh Phật pháp” để hợp thức hóa những quyết định mang tính áp đặt. Điều này trực tiếp làm giảm uy tín của tổ chức, vì thay vì hành xử minh bạch theo quy định, tổ chức lại dựa vào những khái niệm mơ hồ để ràng buộc và trừng phạt.

Từ góc độ Phật học, đây là một **sự tổn thương tinh thần**. Bởi những nghi thức như sám hối hay mặc tẩn vốn nhằm nuôi dưỡng sự thanh tịnh và hòa hợp, khi bị dùng sai chỗ sẽ trở thành **vũ khí áp chế**. Người bị áp đặt sẽ không thấy được cơ hội chuyển hóa, mà chỉ thấy sự giam hãm và bất công. Người quan sát từ bên ngoài sẽ không còn nhận ra tính nhân bản của đạo Phật, mà chỉ thấy một bộ máy dùng danh nghĩa Phật pháp để điều hành một cách cứng nhắc.

Khi nghi thức Phật học và chế tài hành chính bị trộn lẫn, hậu quả không chỉ là một quyết định sai lầm trong một vụ việc, mà còn là **tiền lệ nguy hiểm**. Từ nay, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra việc một khái niệm tu học bị biến thành công cụ kỷ luật, và khi ấy Phật pháp bị hiểu lầm như một hệ thống trừng phạt chứ không còn là con đường giải thoát.

Do đó, có thể khẳng định: việc gán ghép “sám hối” như một hình phạt hành chính, và đưa khái niệm “mặc tẩn” vào văn kiện kỷ luật, là một **sai lầm kép**: sai về mặt giáo lý, và sai về mặt thủ tục tổ chức. Nếu không được chấn chỉnh, điều này không chỉ làm suy yếu niềm tin nội bộ mà còn gây tổn hại đến hình ảnh Phật giáo trong mắt công chúng.

V. “Biểu quyết 100%” không thay thế được pháp chế

Trong cả hai biên bản của Hội đồng Kỷ luật và Ban Thường trực Hội đồng Cấp Dững, đều có câu nhấn mạnh rằng: “biểu quyết 100% tán đồng”. Con số này, thoạt nghe, có thể tạo cảm giác như một sự đồng thuận tuyệt đối, một sự vững chắc không thể lay chuyển. Tuy nhiên, cần phải phân biệt rạch ròi: **sự đồng thuận nội bộ không bao giờ đồng nghĩa với tính hợp pháp**. Một quyết định có thể đạt đến 100% số phiếu trong một hội đồng, nhưng vẫn vô hiệu nếu phạm những lỗi cơ bản: sai thẩm quyền, sai thủ tục, thiếu chứng cứ, hoặc mâu thuẫn với chính Hiến chương và Nội lệ – Quy chế của tổ chức.

Trong khoa học pháp lý, giá trị của một quyết định không nằm ở tỷ lệ biểu quyết, mà nằm ở việc nó có đúng pháp hay không. Một quyết định dù chỉ được thông qua với đa số đơn giản, nhưng đúng thẩm quyền, đúng thủ tục, có căn cứ pháp lý và chứng cứ rõ ràng, thì vẫn có giá trị cao hơn nhiều so với một quyết định đạt 100% nhưng dựa trên nền tảng sai lạc. Nói cách khác, **pháp chế mới là thước đo của sự hợp pháp, chứ không phải đồng thuận số học.**

Từ góc độ xã hội học tổ chức, “100% đồng thuận” trong nhiều trường hợp lại gợi nên mối lo ngại về tính hình thức. Khi mọi thành viên trong một hội đồng đều biểu quyết y hệt nhau, không có bất kỳ ý kiến phản biện, chất vấn hay ghi chú bảo lưu nào, thì điều đó có thể phản ánh một thực tế đáng buồn: hội đồng không còn là nơi thảo luận dân chủ, mà trở thành nơi hợp thức hóa một quyết định đã định sẵn. Đồng thuận tuyệt đối, trong bối cảnh thiếu minh chứng và tranh luận, không phải là biểu hiện của sức mạnh đoàn kết, mà là **dấu hiệu của sự áp đặt.**

Trong lịch sử nhân loại, nhiều quyết định sai lầm nghiêm trọng cũng từng được thông qua với tỷ lệ tuyệt đối, vì cơ chế phản biện đã bị triệt tiêu. Một tổ chức thiếu vắng tiếng nói phản biện sẽ dễ rơi vào cái bẫy của “tập trung hình thức”, tức là chỉ còn cái vỏ đoàn kết bên ngoài, nhưng bên trong thì bất mãn, nghi ngờ và phản kháng ngấm ngấm. Đây là con đường dẫn đến phân hóa sâu hơn, chứ không phải hòa hợp thực sự.

Đặt dưới ánh sáng Phật học, sự đồng thuận trong một hội đồng chỉ có giá trị khi nó xuất phát từ **chánh kiến** và **chánh tư duy**, nghĩa là từ trí tuệ soi chiếu sự thật, không bị chi phối bởi thành kiến, áp lực hay sự nể nang. Đức Phật từng nhấn mạnh đến tinh thần *tùy pháp bất tùy nhân*: tuân theo pháp, không tuân theo ý chí cá nhân. Nếu “100% biểu quyết” mà không dựa trên pháp, thì đó chỉ là sự đồng thuận sai lầm, một sự “nhất trí trong vô minh”. Trong kinh tạng, Đức Phật đã từng cảnh báo rằng, ngay cả khi số đông đồng thuận nhưng đồng thuận ấy đi ngược chánh pháp, thì vẫn không thể coi là chính đáng.

Bởi vậy, việc viện dẫn “100% biểu quyết” như một minh chứng cho tính hợp pháp của các văn kiện kỷ luật là một **ngụy biện hình thức**. Nó biến đồng thuận thành lá chắn, thay vì minh chứng thực chất cho sự công bằng. Một quyết định kỷ luật muốn có giá trị, phải chứng minh được ba yếu tố: (1) đúng thẩm quyền, (2) đúng thủ tục, (3) có chứng cứ rõ ràng. Thiếu một trong ba yếu tố này, thì dù có 100% số phiếu tán đồng, quyết định ấy vẫn chỉ là **một sự đồng thuận sai lầm, vô hiệu về pháp lý và vô ích về đạo lý.**

Nói một cách khác, **đồng thuận chỉ là phương tiện, pháp chế mới là cứu cánh.** Nếu tổ chức đặt nặng con số đồng thuận mà coi nhẹ pháp chế, thì chẳng những không đạt được công bằng thực chất, mà còn tạo tiền lệ nguy hiểm: mọi quyết định đều có thể được hợp thức hóa bằng “100%”, bất kể đúng sai. Đây là con đường làm xói mòn niềm tin, phá vỡ sự minh bạch, và rốt cuộc làm suy yếu chính uy tín của Giáo Hội.

VI. Tính độc lập và xung đột lợi ích

Một vấn đề khác không thể bỏ qua là **xung đột vai trò**. Trong tiến trình kỷ luật này, những người tham gia Hội đồng Kỷ luật cũng đồng thời là thành viên của Ban Thường trực Hội đồng Cấp Dững. Điều đó có nghĩa là họ vừa là người **điều tra**, vừa là người **luận tội**, rồi sau đó lại chính là người **ngồi vào ghế “tái thẩm” để bỏ phiếu chung quyết**. Toàn bộ tiến trình, vì thế, chỉ diễn ra trong một vòng tròn khép kín, không có sự phân tách quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp, thiếu hẳn yếu tố kiểm soát và cân bằng. Đây chính là **xung đột lợi ích cấu trúc**, và là một lỗ hổng nghiêm trọng trong thủ tục tổ chức.

Trong khoa học quản trị hiện đại, một quyết định kỷ luật chỉ có giá trị khi được tiến hành theo nguyên tắc **tam quyền phân lập tối thiểu**: một bộ phận điều tra, một bộ phận xét xử, và một cơ chế kháng nghị hoặc tái thẩm độc lập. Khi cùng một nhóm người vừa thực hiện điều tra, vừa kết luận, rồi lại biểu quyết phê chuẩn, thì không còn cơ hội nào cho sự phản biện khách quan. Điều này biến toàn bộ thủ tục thành một **thủ tục nội bộ tự chứng minh cho chính mình**, không còn giá trị kiểm soát.

Trong bối cảnh GDPTVN, vốn là một tổ chức giáo dục thanh thiếu đồng niên, việc thiếu vắng tính độc lập lại càng nguy hại. Bởi chính sự minh bạch, công bằng và khả năng phản biện mới là điều nuôi dưỡng niềm tin cho thế hệ trẻ. Khi chứng kiến một tiến trình khép kín, nơi những người cầm cân nảy mực cũng đồng thời là bên khởi kiện, thì tuổi trẻ khó lòng tin tưởng rằng tổ chức thực sự hành xử công minh. Niềm tin mất đi sẽ khó khôi phục, và hậu quả không chỉ nằm ở một vụ việc, mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ nền tảng uy tín.

Từ góc độ Phật học, sự thiếu độc lập này cũng trái với tinh thần **lục hòa cộng trụ**. Một cộng đồng Tăng-già hay đoàn thể Phật tử chỉ hòa hợp khi có sự tôn trọng lẫn nhau, có sự phân minh trong vai trò và trách nhiệm. Khi một nhóm người nắm toàn bộ tiến trình từ đầu đến cuối, thì đó không còn là hòa hợp, mà là **tập trung quyền lực**. Đức Phật luôn nhấn mạnh tinh thần *tùy pháp bất tùy nhân*: phải để pháp làm chuẩn, không để quyền lực của một nhóm người áp đặt.

Hệ quả của tình trạng này là gì? Trước hết, quyết định kỷ luật mất đi **tính thuyết phục nội bộ**, vì ai cũng thấy rằng nó được hình thành trong một vòng tròn thiếu khách quan. Thứ hai, nó mở ra **tiền lệ nguy hiểm**: bất kỳ ai rơi vào tiến trình kỷ luật cũng có thể bị xử lý bởi cùng một nhóm người “đóng cả ba vai”. Thứ ba, nó dễ dẫn đến tình trạng **lạm quyền**, khi một nhóm nhỏ nhân sự có thể áp đặt quyết định lên toàn tổ chức mà không qua sự kiểm tra, đối trọng độc lập nào.

Nói cách khác, việc để một nhóm người vừa điều tra, vừa nghị tội, vừa chung quyết chẳng khác nào vừa “vẽ đường, vừa chạy, vừa chấm điểm”. Đây là một lối hành xử không thể đứng vững trước ánh sáng của pháp lý xã hội, cũng không thể hòa hợp với tinh thần Phật học. Nếu không được chấn chỉnh, nó sẽ tiếp tục tạo ra những quyết định kỷ luật khép kín, gây phân hóa, và cuối cùng làm suy yếu cơ đồ chung.

VII. Kết luận pháp lý cực đoan nhưng thiếu căn cứ

Trong Trình Thư ngày 05.09, có đoạn kết luận rằng HTTr Quảng Giải Huỳnh Kim Hóa đã “tự đặt GDPTVN tại Hải ngoại ra khỏi GHPGVNTN”. Đây là một phát biểu mang tính **pháp lý cực đoan**, bởi nó không còn dừng lại ở việc xử lý hành vi cá nhân, mà đã vội vã gán cho cả một tổ chức cấp vùng một bản án “ly khai”.

Để khẳng định rằng một đơn vị đã ra khỏi hệ thống GHPGVNTN, cần phải có những bằng chứng pháp định rõ ràng:

- **Văn kiện chính thức**: một bản tuyên cáo hoặc quyết nghị của đơn vị đó, có chữ ký, con dấu, thể hiện rõ ý chí rút lui.
- **Thủ tục pháp nhân**: nếu GDPTVN tại Hải ngoại là một pháp nhân độc lập tại quốc gia sở tại, thì phải có thủ tục giải thể hoặc chuyển đổi, được công bố hợp pháp.
- **Xác nhận từ Giáo hội**: quyết định chính thức của Viện Tăng Thống hoặc cơ quan giáo phẩm có thẩm quyền, công bố rõ ràng về việc đơn vị đã ly khai.

Thế nhưng, trong toàn bộ hồ sơ kỷ luật, không hề xuất hiện bất kỳ chứng cứ pháp định nào như trên. Cái gọi là “tự đặt ra ngoài” chỉ được rút ra từ một số phát biểu, thư từ hoặc cách diễn giải lập trường cơ cấu. Dem những tranh luận về thẩm quyền, vốn là một vấn đề học thuật và hành chính, để biến thành cáo buộc “ly khai” là một **sự gán ghép thiếu căn cứ và nặng tính áp đặt**.

Từ góc độ pháp chế, đây là một sai lầm nghiêm trọng, vì nó đã **đồng hóa sự bất đồng cơ cấu với sự phản bội pháp lý**. Một Huynh trưởng có thể tranh luận về vai trò của NSVTN, về cơ cấu vận hành của BHD Hải ngoại, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc ông tuyên bố ly khai khỏi Giáo hội. Nếu mọi ý kiến phản biện cơ cấu đều có thể bị gán thành “ly khai”, thì tổ chức sẽ tự khép lại không gian đối thoại, và bất cứ bất đồng nào cũng sẽ trở thành mồi lửa cho kỷ luật cực đoan.

Từ góc độ Phật học, sự quy kết này cũng trái với tinh thần **tùy pháp bất tùy nhân** và tinh thần **hòa hợp Tăng-già**. Phật pháp luôn khuyến khích đối thoại trên nền tảng chánh kiến, không vội quy chụp, không đồng hóa ý kiến khác biệt với sự phản nghịch. Đức Phật từng dạy, khi có bất đồng trong Tăng-già, cần mở rộng hội họp, lắng nghe đầy đủ, dựa vào pháp và luật để phân xử. Không có chỗ nào trong giáo pháp chấp nhận sự gán ghép cực đoan thiếu căn cứ như thế này.

Hậu quả của một kết luận pháp lý cực đoan là gì? Trước hết, nó làm cho người bị cáo buộc mất cơ hội tự biện hộ và thanh minh, bởi bản án “ly khai” quá nặng nề, gần như đóng mọi cánh cửa trở lại. Thứ hai, nó gieo vào tập thể một tâm lý nghi kỵ: ai phát biểu khác ý đều có thể bị xem là “ra khỏi Giáo hội”. Thứ ba, nó gây tổn thương trực tiếp đến uy tín của Giáo hội, bởi bên ngoài sẽ nhìn vào và thấy rằng, ngay cả sự khác biệt quan điểm cũng bị quy chụp thành “ly khai”.

Nói cách khác, đây không chỉ là một sai lầm về thủ tục, mà còn là một **sai lầm chiến lược**: biến một mâu thuẫn cơ cấu nội bộ thành một cuộc đối kháng pháp lý, từ đó tạo thêm chia rẽ thay vì hàn gắn. Chính vì vậy, kết luận này cần phải được **thu hồi hoặc sửa đổi**. Nếu không, nó sẽ trở thành một tiền lệ nguy hiểm, khiến cho Giáo hội đánh mất không gian đối thoại, và GĐPTVN đánh mất cơ hội giáo dục trong tinh thần bao dung và hòa hợp.

VIII. Nguy cơ và hệ quả

Nếu những văn kiện này được thi hành ngay mà không qua thẩm định lại, hệ quả sẽ không chỉ dừng lại ở một vụ việc cá nhân, mà sẽ để lại những vết rạn nứt sâu rộng trong toàn bộ cơ cấu GĐPTVN và uy tín của GHPGVNTN.

1. Về nội bộ

Trước hết, việc thi hành các văn kiện sai sót này sẽ tạo ra một tiền lệ nguy hiểm: kỷ luật có thể tiến hành mà không cần chứng cứ đầy đủ, không bảo đảm quyền biện hộ, không tôn trọng sự phân tách thẩm quyền. Một khi tiền lệ ấy đã được thừa nhận, thì bất kỳ nhân sự nào, kể cả những người tận tụy và trung thành nhất, cũng có thể trở thành nạn nhân của một tiến trình kỷ luật thiếu minh bạch. Đây là mầm mống của sự sợ hãi và ngờ vực: thay vì tin vào tổ chức, người ta sẽ dè chừng, lo sợ rằng bất kỳ sự bất đồng nào cũng có thể dẫn đến kỷ luật. Một tổ chức vận hành trên nền tảng sợ hãi thì không thể bền vững, vì sự gán bó sẽ chỉ còn mang tính hình thức, không còn xuất phát từ niềm tin và lý tưởng.

2. Về đối ngoại

Đối với công luận Phật tử và xã hội, việc Giáo hội ban hành và thi hành những văn kiện kỷ luật thiếu thủ tục sẽ làm tổn thương nghiêm trọng đến hình ảnh và uy tín của GHPGVNTN. Từ lâu, Giáo hội đã được nhìn nhận như một biểu tượng kiên trì giữ giới luật, tôn trọng sự công bằng, và đề cao lý tưởng từ bi – trí tuệ. Thế nhưng, nếu xử lý nội bộ theo cách tùy tiện, thiếu thủ tục, thì dư

luận sẽ thấy rằng ngay trong nội bộ Phật giáo, những giá trị căn bản ấy đã bị xem nhẹ. Điều này có thể khiến nhiều Phật tử xa rời niềm tin, và những người bên ngoài nhìn vào sẽ đặt câu hỏi: nếu ngay cả trong một tổ chức Phật giáo, công bằng và minh bạch không được tôn trọng, thì làm sao Giáo hội có thể là điểm tựa đạo đức cho xã hội?

3. Về tinh thần

Đối với thế hệ trẻ, đặc biệt là các đoàn viên và huynh trưởng trẻ, sự việc này là một đòn nặng vào niềm tin. Thế hệ trẻ vốn đã sống trong một xã hội đa nguyên, quen với các chuẩn mực công bằng và minh bạch của pháp luật hiện đại. Khi họ thấy tổ chức của mình xử lý theo cách thiếu chứng cứ, thiếu thủ tục, thì họ sẽ cảm thấy xa lạ, bất mãn, thậm chí chán nản. Niềm tin bị bào mòn sẽ dẫn đến tình trạng rút lui khỏi sinh hoạt, hoặc thậm chí là chia rẽ nội bộ. Một tổ chức vốn dựa trên niềm tin và lý tưởng mà lại đánh mất niềm tin của thế hệ kế thừa thì sớm muộn cũng phải đối diện với khủng hoảng.

4. Về pháp lý và phương án lâu dài

Ngoài ra, còn một hệ quả khác: về phương diện pháp lý, nếu một quyết định kỷ luật bị chứng minh là sai thẩm quyền, sai thủ tục, thiếu chứng cứ, thì nó có thể bị vô hiệu hóa hoặc bị bác bỏ khi có khiếu nại chính thức. Điều này sẽ khiến tổ chức lúng túng, mất mặt, và tạo ra khoảng trống lãnh đạo. Về phương diện chiến lược, việc biến một mâu thuẫn nội bộ thành một bản án cực đoan không giúp giải quyết vấn đề, mà chỉ làm cho rạn nứt trở nên sâu hơn, khó hàn gắn hơn. Đây là một sai lầm chiến lược: thay vì hóa giải, tổ chức đã tự mình làm trầm trọng thêm mâu thuẫn.

5. Về đạo lý Phật học

Cuối cùng, từ góc nhìn Phật học, việc thi hành những văn kiện sai sót này là một sự đi ngược lại tinh thần từ bi và trí tuệ. Phật pháp luôn dạy rằng kỷ luật không nhằm để trừng phạt, mà nhằm để giáo hóa và chuyển hóa. Nếu một quyết định thiếu minh bạch lại được đem ra thi hành như một bản án chung cuộc, thì nó sẽ không còn là phương tiện chuyển hóa, mà chỉ còn là công cụ áp chế. Điều này không những trái với giáo lý mà còn gây tác hại cho chính sự tồn tại của tổ chức Phật tử.

IX. Đề nghị

Trên cơ sở những phân tích và phê bình đã nêu, chúng con/chúng em tha thiết kêu gọi tổ chức hãy bình tĩnh, lắng nghe và hành xử với tầm nhìn dài hạn. Những văn kiện kỷ luật ban hành trong tháng 8 và 9 năm 2025 chứa đựng nhiều sai sót nghiêm trọng cả về thẩm quyền, thủ tục và tinh thần. Nếu thi hành vội vã, chúng không những không giải quyết được mâu thuẫn, mà còn làm trầm trọng thêm chia rẽ, đánh mất niềm tin của đoàn viên và làm tổn hại đến uy tín của Giáo hội. Vì vậy, chúng con/chúng em xin mạnh mẽ đề nghị:

Ngưng thi hành ngay Quyết định kỷ luật ngày 05.09.2025 đối với HTTr Huỳnh Kim Hóa, cho đến khi có một tiến trình tái thẩm đúng thủ tục. Đây là bước cần thiết để tránh gây ra những tổn thương không thể cứu vãn và giữ cho uy tín Giáo hội không bị công luận chỉ trích là tùy tiện.

Hủy bỏ các phần vượt quyền trong văn kiện, đặc biệt là điều khoản “giải nhiệm” Q.Trưởng ban BHD Hải Ngoại. Thẩm quyền này không thuộc trực tiếp về HĐCD; nếu vẫn để nguyên, quyết định sẽ dễ dàng bị phản bác là “ultra vires” (vượt quyền), làm mất giá trị pháp lý của cả văn bản.

Tái lập thủ tục công bằng: Triệu tập một phiên điều trần mới, bảo đảm tổng đạt hợp lệ, thông báo rõ ràng, cho đương sự thời gian chuẩn bị, và công nhận quyền tự bào chữa hoặc mời người đại diện. Có như vậy mới đúng với nguyên tắc *audi alteram partem* – “nghe cả hai bên” – vốn là tinh thần chung của pháp lý và Phật lý.

Phân tách chế tài: Nếu kỷ luật liên quan đến cấp bậc, phải dựa trên Nội lệ và chỉ áp dụng các mức đã quy định (ngưng, giáng, tẩn). Nếu liên quan đến nhân sự hành chính, như miễn nhiệm hay bổ nhiệm, thì phải do đúng cơ quan có thẩm quyền tiến hành và cần phê chuẩn bởi Viện Tăng Thống. Phân tách này vừa minh bạch, vừa tránh lẫn lộn giữa kỷ luật và nhân sự.

Không pha trộn nghi thức Phật học với chế tài hành chính: Những pháp môn như sám hối hay mặc tẩn vốn thuộc về con đường tu học của Tăng-già, mang tính tự nguyện và giáo giới. Chúng không thể bị biến thành hình phạt cưỡng chế. Nếu cần giáo giới, hãy để chư Tôn đức hướng dẫn trong bối cảnh thích hợp; còn kỷ luật hành chính phải giữ đúng khuôn khổ Nội lệ – Quy chế.

Mời cơ quan giáo phẩm hữu trách (NSVTN hoặc Viện Tăng Thống) đứng ra giải thích chính thức về cơ cấu và thẩm quyền. Đây là giải pháp căn bản để tháo gỡ tận gốc những mâu thuẫn cơ cấu đã dẫn đến vụ việc. Một văn bản giải thích từ thượng cấp sẽ tạo thành chuẩn chung cho toàn hệ thống, tránh tình trạng suy diễn, áp đặt, và lặp lại những xung đột tương tự trong tương lai.

Những đề nghị trên không nhằm phủ nhận nỗ lực của các hội đồng, mà để khẳng định rằng chỉ có sự minh bạch, công bằng và đúng pháp mới giữ vững được tính chính danh của tổ chức. Ngưng thi hành, tái thẩm đúng thủ tục, và trả lại sự phân minh giữa pháp chế xã hội và đạo lý Phật học chính là con đường duy nhất để GDPTVN bảo toàn được niềm tin của đoàn viên và uy tín của Giáo hội.

X. Lời kết

Kết lại, kỷ luật một Huynh trưởng Cấp Dũng không bao giờ chỉ là chuyện của một cá nhân. Nó là tấm gương phản chiếu phẩm hạnh và công bằng của cả một tổ chức; là thước đo cho trí tuệ và từ bi mà hàng Lam viên chúng ta đã thệ nguyện phụng hành. Bốn văn kiện vừa qua, do nhiều khiếm khuyết về thẩm quyền, thủ tục và căn cứ, chưa thể đạt tới chuẩn mực ấy. Nếu vội vã thi hành, chẳng khác nào tự tay gieo thêm bất tín và phân hóa, khiến niềm tin vốn mong manh của hàng ngũ Lam viên, đặc biệt là thế hệ trẻ, càng thêm rạn nứt.

Bởi vậy, lời kêu gọi tha thiết là: **xin ngưng thi hành, tái thẩm đúng pháp, để giữ gìn sự thanh tịnh của Giáo hội và niềm tin của GDPTVN.** Đây không phải là sự bênh vực cho một cá nhân, mà là sự bảo vệ cho chính uy tín của Tổ chức, là trách nhiệm trước lịch sử và tương lai. Ngưng lại một bước hôm nay là để đi vững vàng hơn ngày mai, để không biến những sai sót nhất thời thành vết thương lâu dài cho toàn thể Lam viên.

Kính xin hãy tâm niệm rằng, ánh sáng của Đạo Phật không nằm ở những lời tuyên bố nghiêm khắc, mà ở tinh thần công bằng và từ bi được thực hành trong từng hành xử. Nếu chúng ta chỉ dạy tuổi trẻ về công bằng mà không thực hiện công bằng, chỉ dạy về từ bi mà lại cưỡng chế bằng hình phạt thiếu minh bạch, thì chúng ta đã phản bội chính lý tưởng mình đang gầy dựng. Ngược lại, nếu chúng ta biết dừng lại, soi rọi lại tiến trình, sửa chữa sai sót bằng trí tuệ và lòng bao dung, thì đó sẽ là minh chứng sống động nhất cho giá trị của tổ chức Lam.

Trong giây phút này, khi viết những dòng chữ này, chúng con/chúng em nghĩ đến những ánh mắt tuổi trẻ đang nhìn về hàng ngũ Huynh trưởng với niềm hy vọng. Các em cần thấy rằng chúng ta dám sửa sai, dám công bằng, dám lấy từ bi làm lẽ sống. Đó mới là cách duy nhất để gieo niềm tin, để gìn giữ lý tưởng hộ trì Tam Bảo, để Gia Đình Phật Tử tiếp tục đứng vững giữa phong ba bão táp của thời cuộc.

Xin chư Tôn đức từ bi chứng giám, xin các bậc tiền bối thấu hiểu, và xin toàn thể Huynh trưởng một lòng cùng nhau nhìn lại. Bởi nếu chúng ta biết ngưng lại trong chánh niệm hôm nay, thì ngày

mai, tổ chức Lam sẽ còn đó, nguyên vẹn như một mái nhà che chở, để bao thế hệ tiếp nối tìm về. Và trong giọt nước mắt của sự chân thành và hối lỗi, niềm tin sẽ lại nảy mầm, để từ đó, chúng ta cùng nhau dựng lại một niềm tin vững chắc, xứng đáng với hạnh nguyện hộ trì Phật pháp của người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam.